# Report

## Đánh số phần trăm progress

Ngay từ đầu dự án, nên có rule đánh % progress rõ ràng cho cả team, và **áp dụng cho tất cả công đoạn** BD, DD, MK, CT …

**Ví dụ:**

1. Sau khi hoàn thành

a) Nếu không có issue hoặc QA, và sẵn sàng cho khâu peer review, thì điền 80%

b) Nếu còn nội dung TBD, issue, hoặc QA thì tùy vào khối lượng input/issue mà đánh 60-80%

2. Sau khi hoàn thành peer review thì điền 90%

3. Sau khi khách hàng review, feedback

a) Nếu OK thì finish 100%

b) Nếu phải update và review lại thì vẫn để 90%

## Tips

* Dù là task investigation hay study, thì cũng **phải có output file** cụ thể, không thể chỉ dựa vào trí nhớ và hiểu biết để daily / weekly report.

# Quản lý tài liệu/code

## Tài liệu trên SVN

Ngay từ đầu dự án, **nên quy định folder tree** cho SVN.

Ví dụ:

*Folder structure for SVN*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Folder** | **Path** | **Description** |
| Root folder | URL here | Root folder of the SVN for the project |
| ref | ./ref | This folder contains reference for source code and documents related to the project. |
| pm | ./pm | This folder contains project management information. It includes following things:   * estimate * meeting * plan * working\_rule |
| deliverables | ./deliverables | It is major folder for project working. It includes following major sub folders:   * trunk * branches * release |
| trunk | ./deliverables/trunk | This folder contains stable versions. |
| branch | ./deliverables/branches | Team member makes a copy of the trunk in the branches folder, and do your own work in a working copy of the branch you created.  For file naming for a new branch, please refer to Table 2‑5. |
| release | ./deliverables/release | This folder contains release versions. |

Khi team member commit bất kì tài liệu nào lên SVN thì phải commit đúng vào folder quy định sẵn.

**Ví dụ (tạo task và commit task):**

1. Member A được giao task tạo BD cho function nào đó (vd: task có Redmine ticket ID là #12345).
2. Member A phải tạo riêng folder cho task trên (vd: branch/Task\_12345\_MakeBDForABC) và commit tất cả những gì liên quan đến BD mà mình làm được lên folder này.
3. Khi member B review task của member A, member B cũng phải tạo file review record trong folder trên (tất hơn, đặt review record vào folder con, có tên "review").
4. Sau khi quá trình review hoàn thành, member A copy folder của mình từ "branch" qua "deleverables" (edit lại folder name sao cho phù hợp với quy định release).

## Code trên Git

Ngay từ đầu dự án, nên **xác định rõ là sẽ dùng SVN hay Git để quản lý code**; đừng nhọc nhằn, dẫn đến rework sau này. Lời khuyên là nên dùng Git cho code.

Ngoài ra, **quy định rule khi dùng Git**:

* Ignore những file gì
* Set EOL như thế nào
* Encoding ra sao
* Chia branch master và các branch feature như thế nào
* Đặt tên branch như thế nào
* Khi nào merge, khi nào rebase
* …

# Communication

Ngay từ đầu dự án, nên đặt ra các quy định liên quan đến communication cho toàn team.

## Chat

### Chọn phần mềm chat

**Skype** có lẽ là ứng dụng chat tốt nhất và phổ biến cho công việc. Ngoài ra, tùy vào đặc thù, có thể cân nhắn thêm một số ứng dụng khác, như **MS Team** (hơi nặng và thừa thải tính năng), **Telegram** (rất nhanh và nhẹ)

### Phân chia group chat

Chắc chắn mỗi dự án đều phải riêng group chat chung. Ngoài ra, tùy vào số lượng member trong team và các phase của dự án, có thể chia nhỏ group chat hơn nữa.

Ví dụ:

* Tách biệt group của BrSE và group của Dev
* Tách biệt group cho coding và testing

### Like hoặc Reply

Sau khi đọc notification, tất cả member nên tương tác lại (có thể like hoặc reply) để leader biết được tình hình, xem có member nào bị miss notification hay không.

## Email

Tiêu đề của mỗi email đề phải có tiền tố là tên dự án. Tiền tố này giúp đọc email nhanh hơn, cũng như việc filter trên Outlooks dễ dàng hơn.

Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề mail** | **Đánh giá** |
| [Artiza 5G] Customer feedback for No.18 | ĐẠT |
| Customer feedback for No.18 | KHÔNG ĐẠT |

## Redmine